



SUTTANTAPIṬAKE
MAJJHIMANIKĀYO
TATIYO BHĀGO
UPARIPAṆṆĀSAKO
&
TẠNG KINH
TRUNG BỘ
TẬP BA
NĂM MƯỜI KINH CUỐI

3. 5. 7. MAHĀSAḶĀYATANIKA SUTTAM

Evam me sutam: Ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattḥiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi: “Bhikkhavo ”ti. “Bhadante ”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca:

“MahāsaḶāyatanikaṃ vo bhikkhave, desissāmi. Taṃ suṇātha sādhucaṃ manasi karotha bhāsissāmi ”ti.

“Evaṃ bhante ”ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca:

“Cakkhum bhikkhave, ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, rūpe ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, cakkhuviññāṇaṃ ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, cakkhusamphassaṃ ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, cakkhusmiṃ sārājḡati, rūpesu sārājḡati, cakkhuviññāṇe sārājḡati, cakkhusamphasse sārājḡati, yampidaṃ¹ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi sārājḡati.

Tassa sārattassa saṃyuttassa sammūlhassa assādānupassino viharato āyatiṃ pañcupādānakkhandhā upacayaṃ gacchanti. Taṇhā cassa ponobhavikā nandirāgasahagatā tatratarābhinandinī, sā cassa pavaḍḍhati. Tassa kāyikāpi darathā pavaḍḍhanti, cetasikāpi darathā pavaḍḍhanti, kāyikāpi santāpā pavaḍḍhanti, cetasikāpi santāpā pavaḍḍhanti, kāyikāpi pariḶhā pavaḍḍhanti, cetasikāpi pariḶhā pavaḍḍhanti. So kāyadukkhampi cetodukkhampi paḡisaṃvedeti.

Sotaṃ bhikkhave, ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ —pe— Ghānaṃ bhikkhave, ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ —pe— Jivhaṃ bhikkhave, ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ —pe— Kāyaṃ bhikkhave, ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ —pe— Manaṃ bhikkhave, ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, dhamme ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, manoviññāṇaṃ ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, manosamphassaṃ ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi ajānaṃ apassaṃ yathābhūtaṃ, manasmim sārājḡati, dhammesu sārājḡati, manoviññāṇe sārājḡati, manosamphasse sārājḡati, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi sārājḡati.

¹ yamidaṃ - Ma, Sīmu.

149. KINH GIẢNG VỀ SÁU ĐẠI XỨ

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời, đức Thế Tôn trú ở thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: “Này các tỳ khưu”, “Bạch ngài,” các tỳ khưu ấy đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các tỳ khưu, Ta sẽ thuyết giảng cho các người về Sáu Đại Xứ. Các người hãy lắng nghe và khéo chú ý vấn đề ấy, Ta sẽ giảng.”

“Bạch ngài, xin vâng.” Các tỳ khưu ấy đã đáp lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các tỳ khưu, trong khi không biết, trong khi không thấy mắt đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy các sắc đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy nhãn thức đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy nhãn xúc đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sinh lên do duyên nhãn xúc đúng theo bản thể, thì bị tham đắm ở mắt, bị tham đắm ở các sắc, bị tham đắm ở nhãn thức, bị tham đắm ở nhãn xúc, bị tham đắm ở cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sinh lên do duyên nhãn xúc.

Đối với vị ấy, trong khi đang sống, bị tham đắm, bị ràng buộc, bị mê hoặc, có sự suy xét về khoái lạc, nắm thủ uẩn đi đến sự tích lũy trong tương lai. Và đối với vị này, ái dẫn dắt đi tái sanh, đồng hành với hỷ và tham đắm, có sự vui thú nơi này nơi khác, ái ấy tăng trưởng ở vị này. Đối với vị ấy, các sự khuấy rối thuộc thân tăng trưởng, các sự khuấy rối thuộc tâm tăng trưởng, các sự nóng nảy thuộc thân tăng trưởng, các sự nóng nảy thuộc tâm tăng trưởng, các sự bức bối thuộc thân tăng trưởng, các sự bức bối thuộc tâm tăng trưởng. Vị ấy cảm nhận khổ thân và khổ tâm.

Này các tỳ khưu, trong khi không biết, trong khi không thấy tai đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khưu, trong khi không biết, trong khi không thấy mũi đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khưu, trong khi không biết, trong khi không thấy lưỡi đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khưu, trong khi không biết, trong khi không thấy thân đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khưu, trong khi không biết, trong khi không thấy ý đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy các pháp đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy ý thức đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy ý xúc đúng theo bản thể, trong khi không biết, trong khi không thấy cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sinh lên do duyên ý xúc đúng theo bản thể, thì bị tham đắm ở ý, bị tham đắm ở các pháp, bị tham đắm ở ý thức, bị tham đắm ở ý xúc, bị tham đắm ở cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sinh lên do duyên ý xúc.

Tassa sārattassa saṃyuttassa sammūlhassa assādānupassino viharato āyatiṃ pañcupādānakkhandhā upacayaṃ gacchanti. Taṇhā cassa ponobhavikā nandirāgasahagatā tatrataṭṭrābhinandinī, sā cassa pavaḍḍhati. Tassa kāyikāpi darathā pavaḍḍhanti, cetasikāpi darathā pavaḍḍhanti, kāyikāpi santāpā pavaḍḍhanti, cetasikāpi santāpā pavaḍḍhanti, kāyikāpi pariḷāhā pavaḍḍhanti, cetasikāpi pariḷāhā pavaḍḍhanti. So kāyadukkhampi cetodukkhampi paṭisaṃvedeti.

Cakkhuñca kho bhikkhave, jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, rūpe jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, cakkhuviññāṇaṃ jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, cakkhusamphassaṃ jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, cakkhusmiṃ na sārājati, rūpesu na sārājati, cakkhuviññāṇe na sārājati, cakkhusamphasse na sārājati, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpī na sārājati.

Tassa asārattassa asaṃyuttassa asammūlhassa ādīnavānupassino viharato āyatiṃ pañcupādānakkhandhā apacayaṃ gacchanti. Taṇhā cassa ponobhavikā nandirāgasahagatā tatrataṭṭrābhinandinī, sā cassa pahiyati. Tassa kāyikāpi darathā pahiyanti, cetasikāpi darathā pahiyanti, kāyikāpi santāpā pahiyanti, cetasikāpi santāpā pahiyanti, kāyikāpi pariḷāhā pahiyanti, cetasikāpi pariḷāhā pahiyanti. So kāyasukhampi cetosukhampi paṭisaṃvedeti.

Yā tathābhūtassa diṭṭhi, sāssa hoti sammādiṭṭhi. Yo tathābhūtassa saṅkappo, svāssa hoti sammāsaṅkappo. Yo tathābhūtassa vāyāmo, svāssa hoti sammāvāyāmo. Yā tathābhūtassa sati, sāssa hoti sammāsati. Yo tathābhūtassa samādhi, svāssa hoti sammāsamādhi. Pubbeva kho panassa kāyakammaṃ vacīkammaṃ ājīvo suparisuddho hoti. Evamassāyaṃ ariyo aṭṭhaṅgiko maggo bhāvanāparipūriṃ gacchati.

Tassa evaṃ imaṃ ariyaṃ aṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ bhāvayato cattāropi satipaṭṭhānā bhāvanāparipūriṃ gacchanti. Cattāropi sammappadhānā bhāvanāparipūriṃ gacchanti. Cattāropi iddhipādā bhāvanāparipūriṃ gacchanti. Pañcapi indriyāni bhāvanāparipūriṃ gacchanti. Pañcapi balāni bhāvanāparipūriṃ gacchanti. Sattapi bojjhaṅgā bhāvanāparipūriṃ gacchanti.

Tassime dve dhammā yuganaddhā¹ vattanti samatho ca vipassanā ca. So ye dhammā abhiññā pariññeyyā, te dhamme abhiññā parijānāti. Ye dhammā abhiññā pahātabbā, te dhamme abhiññā pajahati. Ye dhammā abhiññā bhāvetabbā, te dhamme abhiññā bhāveti. Ye dhammā abhiññā sacchikātabbā, te dhamme abhiññā sacchikaroti.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā pariññeyyā? Pañcupādānakkhandhātissa vacanīyaṃ. Seyyathidaṃ: rūpūpādānakkhandho vedanūpādānakkhandho saññūpādānakkhandho saṅkhārūpādānakkhandho viññāṇūpādānakkhandho. Ime dhammā abhiññā pariññeyyā.

¹ yuganandhā - Ma, PTS.

Đối với vị ấy, trong khi đang sống, bị tham đắm, bị ràng buộc, bị mê hoặc, có sự suy xét về khoái lạc, nắm thủ uẩn đi đến sự tích lũy trong tương lai. Và đối với vị này, ái dẫn dắt đi tái sanh, đồng hành với hỷ và tham đắm, có sự vui thú nơi này nơi khác, ái ấy tăng trưởng ở vị này. Đối với vị ấy, các sự khuấy rối thuộc thân tăng trưởng, các sự khuấy rối thuộc tâm tăng trưởng, các sự nóng nảy thuộc thân tăng trưởng, các sự nóng nảy thuộc tâm tăng trưởng, các sự bức bối thuộc thân tăng trưởng, các sự bức bối thuộc tâm tăng trưởng. Vị ấy cảm nhận khổ ở thân và khổ ở tâm.

Này các tỳ khuru, trong khi biết, trong khi thấy mắt đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy các sắc đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy nhãn thức đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy nhãn xúc đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sanh lên do duyên nhãn xúc đúng theo bản thể, thì không bị tham đắm ở mắt, không bị tham đắm ở các sắc, không bị tham đắm ở nhãn thức, không bị tham đắm ở nhãn xúc, không bị tham đắm ở cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sanh lên do duyên nhãn xúc.

Đối với vị ấy, trong khi đang sống, không bị tham đắm, không bị ràng buộc, không bị mê hoặc, có sự suy xét về khoái lạc, nắm thủ uẩn đi đến sự không tích lũy trong tương lai. Và đối với vị này, ái dẫn dắt đi tái sanh, đồng hành với hỷ và tham đắm, có sự vui thú nơi này nơi khác, ái ấy được dứt bỏ ở vị này. Đối với vị ấy, các sự khuấy rối thuộc thân được dứt bỏ, các sự khuấy rối thuộc tâm được dứt bỏ, các sự nóng nảy thuộc thân được dứt bỏ, các sự nóng nảy thuộc tâm được dứt bỏ, các sự bức bối thuộc thân được dứt bỏ, các sự bức bối thuộc tâm được dứt bỏ. Vị ấy cảm nhận lạc ở thân và lạc ở tâm.

Đối với vị có bản thể như thế, kiến của vị ấy là chánh kiến. Đối với vị có bản thể như thế, tư duy của vị ấy là chánh tư duy. Đối với vị có bản thể như thế, tinh tấn của vị ấy là chánh tinh tấn. Đối với vị có bản thể như thế, niệm của vị ấy là chánh niệm. Đối với vị có bản thể như thế, định của vị ấy là chánh định.[?] Hơn nữa, hành động ở thân, hành động ở khẩu, và sự nuôi mạng của vị ấy ngay chính trước đây trở nên vô cùng trong sạch. Như vậy, đối với vị ấy Thánh Đạo tám chi phần này đi đến phát triển và tròn đủ.[?]

Đối với vị ấy, trong khi phát triển Thánh Đạo tám chi phần này như vậy, thì bốn sự thiết lập niệm đi đến phát triển và tròn đủ, bốn chánh tinh tấn đi đến phát triển và tròn đủ, bốn nền tảng của thần thông đi đến phát triển và tròn đủ, năm quyền đi đến phát triển và tròn đủ, năm lực đi đến phát triển và tròn đủ, bảy chi phần đưa đến giác ngộ đi đến phát triển và tròn đủ.

Đối với vị ấy, hai pháp kết hợp chung này—chỉ tịnh và minh sát—vận hành. Vị ấy, biết toàn diện bằng thẳng trí những pháp cần được biết toàn diện bằng thẳng trí, dứt bỏ bằng thẳng trí những pháp cần được dứt bỏ bằng thẳng trí, tu tập bằng thẳng trí những pháp cần được tu tập bằng thẳng trí, tác chứng bằng thẳng trí những pháp cần được tác chứng bằng thẳng trí.

Và này các tỳ khuru, những pháp nào cần được biết toàn diện bằng thẳng trí? Nên được đáp là: ‘Nắm thủ uẩn.’ Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này cần được biết toàn diện bằng thẳng trí.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā pahātabbā? Avijjā ca bhavataṇhā ca. Ime dhammā abhiññā pahātabbā.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā bhāvetabbā? Samatho ca vipassanā ca. Ime dhammā abhiññā bhāvetabbā.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā sacchikātabbā? Vijjā ca vimutti ca. Ime dhammā abhiññā sacchikātabbā.

Sotaṃ bhikkhave, jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ —pe— Ghānaṃ bhikkhave, jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ —pe— Jivhaṃ bhikkhave, jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ —pe— Kāyaṃ bhikkhave, jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ —pe— Manaṃ bhikkhave, jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, dhamme jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, manoviññānaṃ jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, manosamphassaṃ jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi jānaṃ passaṃ yathābhūtaṃ, manasmim na sārājati, dhammesu na sājjati, manoviññāṇe na sārājati, manosamphasse na sārājati, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi na sārājati.

Tassa asāratassa asaṃyuttassa asammūḷhassa ādīnavānupassino viharato āyatiṃ pañcupādānakkhandhā apacayaṃ gacchanti. Taṇhā cassa ponobhavikā nandirāgasahagatā tatrataṭṭhābhinandinī, sā cassa pahīyati. Tassa kāyikāpi darathā pahīyanti, cetasikāpi darathā pahīyanti, kāyikāpi santāpā pahīyanti, cetasikāpi santāpā pahīyanti, kāyikāpi pariḷāhā pahīyanti, cetasikāpi pariḷāhā pahīyanti. So kāyasukhampi cetosukhampi paṭisaṃvedeti.

Yā tathābhūtaṃ diṭṭhi, sāssa hoti sammādiṭṭhi. Yo tathābhūtaṃ saṅkappo, svāssa hoti sammāsaṅkappo. Yo tathābhūtaṃ vāyāmo, svāssa hoti sammāvāyāmo. Yā tathābhūtaṃ sati, sāssa hoti sammāsati. Yo tathābhūtaṃ samādhī, svāssa hoti sammāsamādhī. Pubbeva kho panassa kāyakammaṃ vacīkammaṃ ājīvo suparisuddho hoti. Evamassāyaṃ ariyo aṭṭhaṅgiko maggo bhāvanāpāripūriṃ gacchati.

Tassa evaṃ imaṃ ariyaṃ aṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ bhāvayato cattāropi satipaṭṭhānā bhāvanāpāripūriṃ gacchanti. Cattāropi sammappadhānā bhāvanāpāripūriṃ gacchanti. Cattāropi iddhipādā bhāvanāpāripūriṃ gacchanti. Pañcapi indriyāni bhāvanāpāripūriṃ gacchanti. Pañcapi balāni bhāvanāpāripūriṃ gacchanti. Sattapi bojjhaṅgā bhāvanāpāripūriṃ gacchanti.

Tassime dve dhammā yuganaddhā vattanti samatho ca vipassanā ca. So ye dhammā abhiññā pariññeyyā, te dhamme abhiññā parijānāti. Ye dhammā abhiññā pahātabbā, te dhammā abhiññā pajahati. Ye dhammā abhiññā bhāvetabbā, te dhamme abhiññā bhāveti. Ye dhammā abhiññā sacchikātabbā, te dhamme abhiññā sacchikaroti.

Và này các tỳ khuu, những pháp nào cần được dứt bỏ bằng thắng trí? Vô minh và hữu ái. Những pháp này cần được dứt bỏ bằng thắng trí.

Và này các tỳ khuu, những pháp nào cần được tu tập bằng thắng trí? Chi tịnh và minh sát. Những pháp này cần được tu tập bằng thắng trí.

Và này các tỳ khuu, những pháp nào cần được chứng ngộ bằng thắng trí? Minh và giải thoát. Những pháp này cần được chứng ngộ bằng thắng trí.

Này các tỳ khuu, trong khi biết, trong khi thấy tai đúng theo bản thể — (như trên)— Này các tỳ khuu, trong khi biết, trong khi thấy mũi đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khuu, trong khi biết, trong khi thấy lưỡi đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khuu, trong khi biết, trong khi thấy thân đúng theo bản thể —(như trên)— Này các tỳ khuu, trong khi biết, trong khi thấy ý đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy các pháp đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy ý thức đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy ý xúc đúng theo bản thể, trong khi biết, trong khi thấy cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc— sanh lên do duyên ý xúc đúng theo bản thể, thì không bị tham đắm ở ý, không bị tham đắm ở các pháp, không bị tham đắm ở ý thức, không bị tham đắm ở ý xúc, không bị tham đắm ở cảm thọ—hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc—sanh lên do duyên ý xúc.

Đối với vị ấy, trong khi đang sống không bị tham đắm, không bị ràng buộc, không bị mê hoặc, có sự suy xét về khoái lạc, năm thú uẩn đi đến sự không tích lũy trong tương lai. Và đối với vị này, ái dẫn dắt đi tái sanh, đồng hành với hỷ và tham đắm, có sự vui thú nơi này nơi khác, ái ấy được dứt bỏ ở vị này. Đối với vị ấy, các sự khuấy rối thuộc thân được dứt bỏ, các sự khuấy rối thuộc tâm được dứt bỏ, các sự nóng nảy thuộc thân được dứt bỏ, các sự nóng nảy thuộc tâm được dứt bỏ, các sự bực bội thuộc thân được dứt bỏ, các sự bực bội thuộc tâm được dứt bỏ. Vị ấy cảm nhận lạc ở thân và lạc ở tâm.

Đối với vị có bản thể như thế, kiến của vị ấy là chánh kiến. Đối với vị có bản thể như thế, tư duy của vị ấy là chánh tư duy. Đối với vị có bản thể như thế, tinh tấn của vị ấy là chánh tinh tấn. Đối với vị có bản thể như thế, niệm của vị ấy là chánh niệm. Đối với vị có bản thể như thế, định của vị ấy là chánh định.[?] Hơn nữa, hành động ở thân, hành động ở khẩu, và sự nuôi mạng của vị ấy ngay chính trước đây trở nên vô cùng trong sạch. Như vậy, đối với vị ấy Thánh Đạo tám chi phần này đi đến phát triển và tròn đủ.[?]

Đối với vị ấy, trong khi vị ấy phát triển Thánh Đạo tám chi phần này như vậy, thì bốn sự thiết lập niệm đi đến phát triển và tròn đủ, bốn chánh tinh tấn đi đến phát triển và tròn đủ, bốn nền tảng của thân thông đi đến phát triển và tròn đủ, năm quyền đi đến phát triển và tròn đủ, năm lực đi đến phát triển và tròn đủ, bảy chi phần đưa đến giác ngộ đi đến phát triển và tròn đủ.

Đối với vị ấy, hai pháp kết hợp chung này—chi tịnh và minh sát—vận hành. Vị ấy, biết toàn diện bằng thắng trí những pháp cần được biết toàn diện bằng thắng trí, dứt bỏ bằng thắng trí những pháp cần được dứt bỏ bằng thắng trí, tu tập bằng thắng trí những pháp cần được tu tập bằng thắng trí, tác chứng bằng thắng trí những pháp cần được tác chứng bằng thắng trí.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā pariññeyyā? Pañcupādānakkhandhā 'tissa vacanīyaṃ seyyathīdaṃ: rūpūpādānakkhandho vedanūpādānakkhandho saññūpādānakkhandho saṅkhārūpādānakkhandho viññāṇūpādānakkhandho. Ime dhammā abhiññā pariññeyyā.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā pahātabbā? Avijjā ca bhavataṇhā ca. Ime dhammā abhiññā pahātabbā.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā bhāvetabbā? Samatho ca vipassanā ca. Ime dhammā abhiññā bhāvetabbā.

Katame ca bhikkhave, dhammā abhiññā sacchikātabbā? Vijjā ca vimutti ca. Ime dhammā abhiññā sacchikātabbā "ti.

Idamavoca bhagavā. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandun "ti.

Mahāsaḷāyatanika suttaṃ sattamaṃ.

--ooOoo--

Và này các tỳ khưu, những pháp nào cần được biết toàn diện bằng thắng trí? Nên được đáp là: ‘Năm thủ uẩn.’ Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này cần được biết toàn diện bằng thắng trí.

Và này các tỳ khưu, những pháp nào cần được dứt bỏ bằng thắng trí? Vô minh và hữu ái. Những pháp này cần được dứt bỏ bằng thắng trí.

Và này các tỳ khưu, những pháp nào cần được tu tập bằng thắng trí? Chi tịnh và minh sát. Những pháp này cần được tu tập bằng thắng trí.

Và này các tỳ khưu, những pháp nào cần được chứng ngộ bằng thắng trí? Minh và giải thoát. Những pháp này cần được chứng ngộ bằng thắng trí.”

Đức Thế Tôn đã nói điều này. Được hoan hỷ, các vị tỳ khưu ấy thỏa thích lời dạy của đức Thế Tôn.[?]

Kinh giảng về Sáu Đại Xứ là thứ bảy.

--ooOoo--